TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2025/KDTM-ST Ngày: 09-12-2025 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng

Bà Đàm Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2025/TLST-KDTM ngày 15 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2025/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Tòa nhà V, số H, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tấn Đ – Trưởng Phòng xử lý nợ pháp lý Khách hàng doanh nghiệp 3 – Trung tâm Xử lý nợ K hàng doanh nghiệp (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Tấn Đ:

1. Ông Mai Bảo L – Chuyên viên xử lý nợ (có mặt).

Địa chỉ: Tầng C, số C, phường C, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Nguyễn Tuấn V – Chuyên viên xử lý nợ (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Thành T – Chuyên viên xử lý nợ (vắng mặt).

4. Ông Triệu Hoài T1 – Chuyên viên xử lý nợ (vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng A, số I, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo văn bản ủy quyền ngày 10/9/2025.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH C (vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: Số B, Quốc Lộ F, Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Minh T2 – Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Dương Minh T2, sinh ngày 21/02/1988 (vắng mặt).

2. Bà Phạm Thị Thúy K1, sinh ngày 07/5/1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2025 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (gọi tắt ngân hàng) và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Bảo L trình bày:

Công ty TNHH C đã vay vốn tại Ngân hàng V – chi nhánh C theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: CLC-13883-01 ngày 01/3/2024, số tiền vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân 17,7%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn duy trì hạn mức vay thấu chi. Ngày giải ngân 01/3/2024 và ngày đến hạn 01/3/2025. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại bán buôn rau, quả.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, Ngân hàng và các bên đã thống nhất áp dụng biện pháp bảo đảm sau tiền vay là: Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Dương Minh T2 (theo Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-23954/24/SME/BLCN-01 ngày 01/3/2024) và bà Phạm Thị Thúy K1 (theo Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-23954/24/SME/BLCN-02 ngày 01/3/2024).

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH C đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay trên được chuyển sang nợ quá hạn và chịu lãi suất quá hạn.

Tính đến hết ngày 09/12/2025, Công ty TNHH C còn nợ Ngân hàng số tiền 597.133.283 đồng (gồm gốc 495.494.471 đồng, lãi quá hạn 101.638.812 đồng). Nay ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH C trả ngay một lần cho ngân hàng tổng số nợ nêu trên. Ngoài ra, kể từ ngày 10/12/2025, Công ty TNHH C phải tiếp tục chịu lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì ông T2 và bà K1 phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

- Bị đơn Công ty TNHH C và người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Dương Minh T2 vắng mặt, không có lời trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Minh T2 và bà Phạm Thị Thúy K1 vắng mặt, không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ giao dịch tín dụng giữa tổ chức tín dụng với pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, quan hệ tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH C có địa chỉ trụ sở hoạt động cuối cùng tại số B, Quốc Lộ F, Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ (trước đây là Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng), theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Tại phiên tòa bị đơn Công ty TNHH C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Minh T2 (đồng thời là đại diện theo pháp luật của công ty) và bà Phạm Thị Thúy K1 vắng mặt không lý do. Xét thấy, phiên tòa đã mở lần hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với những người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Bị đơn Công ty TNHH C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Minh T2 (đồng thời là đại diện theo pháp luật của công ty) và bà Phạm Thị Thúy K1 là người có nghĩa vụ trong các hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh đã ký với Ngân hàng, cố tình vắng mặt hoặc thay đổi trụ sở, nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới, căn cứ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành hòa giải được, việc vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Ngân hàng đã cho Công ty TNHH C vay vốn theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: CLC-13883-01 ngày 01/3/2024, số tiền vay 500.000.000 đồng mục đích bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại bán buôn rau, quả. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 03/3/2025, nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại Điều 6, Điều 7 trong hợp đồng và vi phạm quy định pháp luật tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ. Buộc bị đơn Công ty TNHH C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 09/12/2025 cụ thể: Số tiền 597.133.283 đồng (gồm gốc 495.494.471 đồng, lãi quá hạn 101.638.812 đồng). Ngoài ra, buộc Công ty TNHH C tiếp tục chịu lãi phát sinh

theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 10/12/2025 đến ngày thanh toán xong nợ.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ của bên bảo lãnh, xét thấy để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, Ngân hàng và vợ chồng ông Dương Minh T2 (đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH C) và bà Phạm Thị Thúy K1 đã thống nhất áp dụng biện pháp bảo đảm sau tiền vay là: Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Dương Minh T2 (theo Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-23954/24/SME/BLCN-01 ngày 01/3/2024) và bà Phạm Thị Thúy K1 (theo Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-23954/24/SME/BLCN-02 ngày 01/3/2024). Xét thấy, hợp đồng bảo lãnh nêu trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, đã đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật tại các Điều 335, 336, 342 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, trường hợp bị đơn Công ty C không thanh toán hoặc thanh toán không đủ nợ thì buộc ông Dương Minh T2 và bà Phạm Thị Thúy K1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ của Công ty TNHH C.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024; các Điều 463, 466, 468, 335, 336, 342 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V. Buộc bị đơn Công ty TNHH C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ tính đến ngày 09/12/2025 tổng cộng 597.133.283 đồng (gồm gốc 495.494.471 đồng, lãi quá hạn 101.638.812 đồng). Ngoài ra, buộc Công ty TNHH C tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: CLC-13883-01 ngày 01/3/2024, kể từ ngày 10/12/2025 đến ngày thanh toán xong nợ.

2. Trường hợp Công ty TNHH C không thực nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì buộc ông Dương Minh T2 và bà Phạm Thị Thúy K1 phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên của Công ty TNHH C cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V Theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn Công ty TNHH C có nghĩa vụ nộp án phí số tiền 27.885.331 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V tiền tạm ứng

án phí đã nộp 11.910.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004335 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND KV7-Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Nghiệp